

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2022/HNGĐ - ST.
Ngày: 02 - 8 - 2022.
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

2. Bà Trần Thị Hồng Phượng.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thùy Linh – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
tham gia phiên tòa:** Ông Lê Trọng Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long
Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số
207/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh
chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2022/QĐXXST-
HNGĐ ngày 11/7/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Huyền TR, sinh năm: 1981.

HKTT: Tổ 3, Ấp B , xã B , huyện L , tỉnh Đồng Nai.

Tạm trú: Tổ 2, khu 3, xã P , thị trấn T , huyện T , tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên hệ: VP công chứng Nguyễn Thanh T , quốc lộ 51, ấp 7,
xã A , huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thành N, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Tổ 3, ấp Bàu Tre, xã Bình An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

(Chị TR, anh N có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thành N tự nguyện kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình An. Sau khi kết hôn vợ chồng không hòa thuận, không hạnh phúc. Chị và anh N phát sinh mâu thuẫn từ tháng 8 năm 2018. Nguyên nhân là do anh N nhậu nhẹt, không lo làm ăn, thỉnh thoảng đánh đập chị, anh N có quen người phụ nữ khác. Chị đã dọn ra ở trọ 03 lần. Đã sống ly thân từ trước mùa dịch, sau đó anh N ra ở trọ cùng với chị được một thời gian. Từ khi anh N đuổi chị ra khỏi nhà đến nay, chị sống tại nhà cha ruột tại huyện Tân Phú. Nay chị xác định tình cảm với anh N không còn, không còn quan tâm nhau. Chị yêu cầu ly hôn anh N.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc Bảo Nh, sinh ngày 17/6/2016, đang sống với chị. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nh, không yêu cầu anh N cấp dưỡng. Về điều kiện nuôi con: Nay chị đang sống tại nhà của cha ruột tại huyện Tân Phú, có cha và chị gái của chị phụ chăm cháu. Chị có công việc ổn định, làm công nhân tại công ty may thu nhập 6.000.000 đồng/tháng. Nhưng do chị đang làm thủ tục lãnh bảo hiểm thất nghiệp nên không được làm hợp đồng lao động và không có bảng lương, chị đảm bảo nuôi con tốt.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Bị đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Nh chị TR trình bày. Lúc đầu sống hạnh phúc. Về mâu thuẫn: Phát sinh mâu thuẫn cách đây khoảng 6 tháng, do cãi vã, anh có đánh chị TR một, hai lần, lỗi chính là do anh. Có lần do nhà có đám giỗ Nhưng chị TR bỏ nhà đi chơi, không phụ dọn dẹp. Chị TR dọn ra ở trọ 03 lần do cãi vã, trong đó 02 lần trước là chị TR tự dọn ra, anh có năn nỉ nên chị TR quay về 02 lần đầu. Còn lần sau là do anh đuổi chị TR ra khỏi nhà. Anh thỉnh

thoảng đi nhậu về Nhng ít khi cãi nhau. Anh không có quen người phụ nữ khác. Anh không đồng ý ly hôn với chị TR vì còn thương vợ, thương con.

Về con chung: Có 01 con chung Nh chị TR trình bày. Nếu chị TR kiên quyết ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi cháu Nh, không yêu cầu chị TR cấp dưỡng nuôi con. Về điều kiện nuôi con: Anh có nhà riêng, làm vườn thu nhập 400.000 đồng/ngày, đảm bảo nuôi con tốt.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ án, thời hạn giải quyết, thu thập chứng cứ, việc xét xử của Hội đồng xét xử, việc tuân theo pháp luật của Thư ký đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy đời sống hôn nhân giữa chị TR và anh N có phát sinh mâu thuẫn, các bên không thể hàn gắn, đoàn tụ. Áp dụng Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 85, 91 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị TR đối với anh N.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc Bảo Nh, sinh ngày 17/6/2016, cả chị TR và anh N đề yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nh, tuy nhiên để đảm bảo sự phát triển ổn định của cháu, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị giao cháu Nh cho chị TR nuôi dưỡng, tạm thời anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của Nghị quyết 326/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị TR và anh N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 86/2013, ngày 17/10/2013 trên cơ sở tự nguyện nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, thương yêu nhau, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, chị TR và anh N đều xác định trong quá trình chung sống thì anh chị có mâu thuẫn do cãi vã, rồi anh N đuổi chị TR ra khỏi nhà, anh N có đánh đập chị TR, anh chị đã sống ly thân khoảng 06 tháng nay, anh N thường xuyên uống rượu. Anh N không đồng ý ly hôn. Nhưng anh không thuyết phục được chị TR đoàn tụ. Tòa án đã hòa giải để anh chị hàn gắn, đoàn tụ. Nhưng chị TR vẫn kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh N. Như vậy, giữa anh chị không còn tình nghĩa vợ chồng, không thể hàn gắn, đoàn tụ được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét yêu cầu ly hôn của chị TR là có căn cứ chấp nhận, cho ly hôn giữa chị TR và anh N.

[2] Về con chung: Anh chị có một con chung tên là Nguyễn Ngọc Bảo Nh, sinh ngày 17/6/2016, đang sống với chị TR. Chị TR và anh N đều yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nh, không yêu cầu cấp dưỡng. Xét về điều kiện nuôi con: Hiện nay chị TR đang sống tại nhà cha ruột tại huyện Tân Phú, có cha và chị gái của chị phụ chăm cháu, chị có công việc là công nhân công ty. Còn anh N cũng có nhà ở ổn định, công việc là làm vườn. Xét cháu Nh hiện nay đang sống với chị TR, là bé gái, tới đây bé đến độ tuổi phát triển tâm sinh lý nếu ở với mẹ thì sẽ tiện chăm sóc hơn so với ở với cha. Anh N hay uống rượu, say xỉn nên không đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng con. Như vậy, để đảm bảo về ổn định cuộc sống và phát triển mọi mặt của cháu Nh nên giao cháu cho chị TR trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị TR không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên anh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh N được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị TR, anh N khai không có nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị TR phải chịu

300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình Nhng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Đối với ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng các Điều 9, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Huyền TR về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với anh Nguyễn Thành N, cho ly hôn giữa chị TR và anh N.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo Nh, sinh ngày 17/6/2016 cho chị TR trực tiếp nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh N được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị TR phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình Nhng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0005434 ngày 11/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Chị TR đã nộp xong.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND H. Long Thành;
- Chi cục THADS H. Long Thành;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã B.
- Các đương sự;
- Lưu.

Trần Thị Thanh Hoa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hồng Phượng Nguyễn Thị Thu Hà Trần Thị Thanh Hoa

Chị Diễm, anh Ân được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.